

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 13-8-2020

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa:*** Ông **Bùi Khoa Hương**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông **Hoàng Tuấn Dũng**- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST- HNGĐ ngày 28/5/2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2020/QĐHPT -TA ngày 22 tháng 7 năm 2020. Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Thu H** sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 8 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Hữu H1**, sinh năm 1981 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Khu 8 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Nguyên đơn:*** Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2020, bản tự khai ngày 01/6/2020 chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với anh Nguyễn Hữu H1 ngày 14/6/2002. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn, chung sống tại xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng gặp khó khăn, anh H1 đi làm ăn, nhưng không tập chung làm, có biểu hiện chơi bời không quan tâm, chăm sóc đến gia đình, chị H đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh H1 không nghe, nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi

lẫn nhau. Sau khi mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm với nhau. Đến tháng 6/2016 anh H1 đi làm ăn thi thoảng mới về nhà, nhưng vẫn gọi điện thoại về cho các con, sau khi chị có đơn xin ly hôn, chị đã điện thông báo cho anh H1 về Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng anh H1 nói bận đi làm không về được cũng không cho chị biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể ở đâu. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H1

Về con chung: Vợ chồng chị H có 03 người con chung:

Cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 04/8/2003. Hiện nay đã xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 1x/12/2004, cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 2x/3/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H, khi ly hôn chị đề nghị xin được nuôi dưỡng cháu Th và cháu H3, chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu H không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020 Chủ tịch UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1981 kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy là tự nguyện đúng quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh H1 và chị H sống tại khu 8 xã S, vợ chồng anh H1, chị H có 03 con chung, quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Hiện nay chị H đang sinh sống tại khu 8 xã S, anh H1 đi làm ăn thi thoảng có về địa phương, hiện nay làm gì, sinh sống ở đâu địa phương không biết, nếu anh H1, chị H không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật, để đảm bảo quyền, lợi ích cho các bên đương sự. Sau khi UBND xã nhận được thông báo thụ lý vụ án, và các văn bản tố tụng khác của Tòa án gửi cho anh H1, do anh H1 vắng mặt ở địa phương nên không giao được, UBND xã đã thông báo cho anh H1 biết việc chị H xin ly hôn anh. Hiện nay bố mẹ đẻ và những người thân của anh H1 đều đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020 Chủ tịch Hội phụ nữ xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1981 kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy là tự nguyện đúng quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh H1 và chị H sống tại khu 8 xã S, vợ chồng anh H1, chị H có 03 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Hiện nay chị H đang sinh sống tại khu 8 xã S, anh H1 đi làm ăn và sinh sống ở đâu địa phương không biết, nếu anh chị không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh H1 và chị H theo quy định pháp luật, để đảm bảo quyền, lợi ích cho phụ nữ và trẻ em.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020 Phó trưởng Công an xã S cung cấp cho Tòa án biết Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1981 có đăng ký hộ khẩu tại khu 8 xã S, huyện Thanh Thủy. Anh H1 chưa làm thủ tục

cắt chuyển khẩu đi đâu và cũng không làm thủ tục tạm vắng khỏi địa phương, hiện nay anh H1 đi đâu, làm gì, sinh sống ở đâu Ban Công an xã không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020 Phó khu hành chính khu 8 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết: Năm 2002 chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1981 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, sau khi kết hôn anh H1 và chị H sống tại khu 8 xã S, khoảng 3 năm nay anh H1 đi làm ăn xa thường xuyên vắng mặt tại địa phương thì thoảng mới về, chị H và các con đang sinh sống tại khu 8 xã S, nếu vợ chồng anh chị không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh H1 và chị H theo quy định pháp luật. Hiện nay bố mẹ và người thân của anh H1 đều đi làm ăn xa từ nhiều năm không có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy phát biểu quan điểm:

Việc nhận đơn, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án, triệu tập đương sự đến Tòa án giải quyết, điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành tham gia tố tụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự

Bị đơn đã không chấp hành, thực hiện về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 – Bộ luật tố tụng Dân sự

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa ,n.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hữu H1.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hữu H1.

Về con chung: Vợ chồng chị H có 03 người con chung:

Cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 04/8/2003. Hiện nay đã xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định khi ly hôn không đặt ra đề giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 1x/12/2004, cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 2x/3/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi hai dưỡng cháu đến khi thành niên, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào các bên đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp, bản tự khai tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu H1 là bị đơn trong vụ án hôn nhân gia đình, sau khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu H1. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã thụ lý vụ án và triệu tập chị H, anh H1 đến Tòa án để giải quyết, chị H đã chấp hành, anh H1 không chấp hành. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh H1 vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật, thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau đó Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng nơi anh H1 có hộ khẩu thường trú tại khu 8 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, nhưng anh H1 vẫn cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với anh Nguyễn Hữu H1 năm 2002. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn, chung sống tại xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng gặp khó khăn, anh H1 đi làm ăn, nhưng không tập chung làm ăn, chơi bời, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình nuôi dạy con chung, chị H đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh H1 không nghe, nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi lẫn nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng tình cảm không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H1.

Về phía anh Nguyễn Hữu H1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến giải quyết, nhưng anh H1 đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh H1 đã biết chị H có đơn xin ly hôn với anh, đã được chính quyền địa phương và gia đình thông báo, nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết vì lý do đi làm ăn xa không có điều kiện về, khi chị H và các con anh gọi điện anh không cung cấp địa chỉ chỗ ở, nơi làm việc và nơi sinh sống ở đâu. Như vậy anh H1 đã cố tình che giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương được biết bố, mẹ và những người thân của anh H1 đều đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay anh H1 vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H1 và xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và cháu H3 đến khi thành niên, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác chị H không đề nghị giải quyết. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị H và xử cho

chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hữu H1 là phù hợp với luật Hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Vợ chồng chị H và anh H1 có 03 người con chung:

Cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 04/8/2003. Hiện nay đã xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 1x/12/2004, cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 2x/3/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th và cháu H3 đến khi thành niên, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt, chị H có mặt nhưng không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Tuy nhiên đây mới là chứng cứ của chị H đưa ra, sau này đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

**[5] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hữu H1.

**Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hữu H1.

**Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 1x/12/2004, cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 2x/3/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th và cháu H3 đến khi thành niên, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu, nhưng anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt, chị H có mặt nhưng không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

**Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0000542 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Thủy, Tỉnh
- THADS huyện Thanh Thủy
- UBND xã S
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ - VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Khoa Hương**